

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH, MÃ NGÀNH 8340101
(Ban hành kèm theo Quyết định số **468**/QĐ-ĐHDL ngày **28** tháng **3** năm 2024
của Trường Đại học Điện lực)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

- 1.1. Tên trường: Đại học Điện lực
- 1.2. Tên chương trình đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Tên tiếng Anh: Master in Business Administration
- 1.3. Mã ngành đào tạo: 8340101
- 1.4. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- 1.5. Thời gian đào tạo: 1,5 năm (chính quy), 2 năm (vừa học vừa làm)
- 1.6. Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- 1.7. Thông tin kiểm định:
- 1.8. Thời điểm cập nhật chương trình đào tạo: 5/2023

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) hướng người học có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành những nhà quản lý thành công trong lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Chương trình định hướng chuyên sâu về quản lý và phát triển doanh nghiệp định hướng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức

Vận dụng thích ứng kiến thức khoa học, kiến thức chuyên ngành (lý thuyết và thực tế) để giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực kinh doanh.

2.2.2. Kỹ năng

Vận dụng kỹ năng quản lý trong các hoạt động quản trị và đổi mới doanh nghiệp, vận dụng năng lực tổ chức quản lý và sáng tạo trong công việc.

2.2.3. Thái độ

Đạo đức và trách nhiệm trong nghề nghiệp, thể hiện năng lực dẫn dắt và thích ứng biến động môi trường kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng và triển khai kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên môn sâu, cập nhật trong lĩnh vực quản trị và đổi mới doanh nghiệp;
- PLO2: Vận dụng và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về quản trị và đổi mới doanh nghiệp trong thực tế.
- PLO3: Tổng hợp, vận dụng các kiến thức liên ngành liên quan đến lĩnh vực quản trị và đổi mới doanh nghiệp.

3.2. Kỹ năng

- PLO4: Có kỹ năng nghiên cứu phát triển, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề có cơ sở trong lĩnh vực quản trị và đổi mới doanh nghiệp một cách khoa học và thực tiễn.
- PLO5: Có năng lực truyền đạt tri thức, tổ chức công việc, giao tiếp đáp ứng các yêu cầu công việc chuyên môn trong lĩnh vực quản trị và đổi mới doanh nghiệp.
- PLO6: Có năng lực sử dụng Tiếng Anh trong môi trường làm việc toàn cầu hoá, có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.2. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO7: Có tinh thần chủ động, độc lập và sáng tạo trong quá trình làm việc; có năng lực dẫn dắt trong công việc.
- PLO8: Có khả năng linh hoạt thích ứng với những biến động của môi trường kinh doanh; có tinh thần trách nhiệm, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có ý thức cộng đồng.

3.3. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo		
	PO1	PO2	PO3
PLO1	X		
PLO2	X		

PLO3	X		
PLO4		X	
PLO5		X	
PLO6		X	
PLO7			X
PLO8			X

3.4. Đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ

- Chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Thương mại

(https://tmu.edu.vn/upload/files/shares/Ch%C6%B0%C6%A1ng%20tr%C3%A1nh%20th%E1%BA%A1c%20s%C4%A9%2027B/cdr-va-ctdt-ths-qtkd-ud_0001.pdf).

- Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường ĐH Kinh tế- Đại học quốc gia

(<https://admin.cms.ueb.edu.vn/ckfinder/connector?command=Proxy&lang=vi&langCode=vi&type=abc¤tFolder=%2Fhoangduchung%2F&hash=f8c1d87006fbf7e5cc4b026c3138bc046883dc71&fileName=KCT%20ThS%20QTKD.pdf>)

- Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Boston (Mỹ).

(<https://www.bu.edu/questrom/degree-programs/full-time-mba/academics/>).

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển sau tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có thể:

- Tiếp tục làm nghiên cứu sinh về quản trị kinh doanh và một số lĩnh vực liên quan để đạt học vị tiến sĩ trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.
- Tự học/ nghiên cứu nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc cần thực hiện.

5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có thể đảm nhận các công việc:

- Quản lý cấp trung và cấp cao trong các doanh nghiệp (công nghiệp, thương mại, tài chính ...).
- Giảng viên trong các trường đại học đào tạo về lĩnh vực kinh doanh và quản lý và các viện/ trung tâm nghiên cứu.
- Cán bộ quản lý điều hành một số mảng chuyên môn trong các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan hành chính nhà nước.
- Tự khởi nghiệp kinh doanh.

6. Thông tin tuyển sinh

6.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Tốt nghiệp đại học với các văn bằng cụ thể được quy định như sau:

Về văn bằng: có bằng tốt nghiệp các ngành

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
	Nhóm I		
1	73401	Kinh doanh	
	Nhóm II		
1	73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	
2	73403	Kế toán – Kiểm toán	
3	73404	Quản trị - Quản lý	
4	73101	Kinh tế học	
5	73102	Khoa học chính trị	
6	73801	Luật	
7	75106	Quản lý công nghiệp	
8	75803	Quản lý xây dựng	
9	78101	Du lịch	
10	78102	Khách sạn, nhà hàng	
11	78501	Quản lý tài nguyên và môi trường	
	Nhóm III		
1	732	Báo chí và thông tin	
2	746	Toán và thống kê	
3	748	Máy tính và công nghệ thông tin	
4	751	Công nghệ kỹ thuật	
5	752	Kỹ thuật	
6	754	Sản xuất và chế biến	
7	784	Dịch vụ vận tải	
8		Những ngành khác*	Xét TH cụ thể

*: Những ngành khác (xét theo TH cụ thể) được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức.

Về thâm niên công tác:

- Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm I và II được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm III phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nhập học).

6.2. Danh mục ngành đúng và ngành gần

- Ngành đúng và ngành phù hợp với ngành đào tạo thạc sĩ: nhóm I trên bảng thống kê tại mục 6.1.

- Ngành gần với ngành đào tạo thạc sĩ: nhóm II, III trong bảng thống kê tại mục 6.1.

6.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Đối với các học viên trong danh mục có thể chuyển đổi sang học Cao học ngành Quản trị kinh doanh, tùy theo từng nhóm đối tượng cụ thể cần phải học bổ sung với các khối lượng kiến thức được yêu cầu khác nhau. Các yêu cầu cụ thể phân theo các nhóm ngành được cho dưới đây:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nhóm II	Nhóm III
1	Quản trị học	2		x
2	Cơ sở quản lý tài chính	2		x
3	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	x	x
4	Quản trị marketing	2	x	x
5	Quản trị nguồn nhân lực	2	x	x

(*): Học viên đã học và đạt điểm yêu cầu môn học chuyển đổi trong chương trình đào tạo đại học được xét miễn chuyển đổi các học phần tương ứng.

6.4. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh

Căn cứ vào điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định hiện hành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường sẽ quyết định chỉ tiêu tuyển sinh và số lần tuyển sinh trong năm.

Nhà trường áp dụng phương thức xét tuyển cho tuyển sinh trình độ thạc sĩ đối với công dân Việt Nam và nước ngoài.

6.5. Điều kiện trúng tuyển

Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điều kiện trúng tuyển theo chỉ tiêu đã thông báo và tổng điểm xét hồ sơ. Điều kiện trúng tuyển được xét như sau:

a) Xét tuyển theo ngành đào tạo;

b) Lấy điểm từ cao xuống thấp.

Trường hợp có nhiều thí sinh cùng điểm thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

7. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp điểm đạt từ 5,5 trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Trường hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; hoặc có chứng nhận tiếng Anh tương đương trở lên do Nhà trường cấp.

- Đã nộp đề án tốt nghiệp được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và người hướng dẫn về việc đề án tốt nghiệp đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp và nhận xét của các phản biện, nộp đề án tốt nghiệp cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại trung tâm học liệu và lưu trữ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Trường.

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT là 60 tín chỉ (TC).

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức chung	3	3	0

2	Khối kiến thức cơ sở ngành	9	7	2
3	Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành	30	14	16
4	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	18	18	0
Tổng số tín chỉ toàn khoá học		60	42	18

8.2. Khung chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tiếng Anh	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH, TN, TL
I. Phần kiến thức chung						
1	THSTH001	Triết học	Philosophy	3	3	0
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành						
				36		
1. Các học phần bắt buộc						
				18		
a. Kiến thức cơ sở ngành						
				5		
2	KTQL001	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Research methodology	2	2	0
3	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	Quantitative methods and decision making in management	3	2	0
b. Kiến thức chuyên ngành						
				13	43	0
4	QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	Advanced operations management	3	3	0
5	QTKD002	Quản trị Marketing nâng cao	Advanced marketing management	3	3	0
6	QTKD003	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Advanced human resource management	2	2	0
7	QTKD004	Quản trị đổi mới sáng tạo	Innovation management	3	3	0
8	QTKD005	Quản trị chiến lược nâng cao	Advanced strategic management	2	2	0
2. Các học phần tự chọn						
				18		
a. Tự chọn chung						
				2		

9	KTQL003	Hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức	Management information system	2	2	0
10	THSTA002	Tiếng Anh	English	3	3	0
b. Tự chọn cơ sở ngành				2		
11	QL001	Kinh tế học nâng cao	Advanced Economics	2	2	0
12	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	Advanced econometrics	3	2	0
13	QTKD006	Quản trị dự án nâng cao	Advanced project management	2	2	0
c. Tự chọn ngành, chuyên ngành				14		
14	TCKS003	Quản trị rủi ro và tuân thủ trong tổ chức	Risk Management and risk compliance	3	3	0
15	QTKD008	Quản trị chất lượng tổng thể	Total quality management	2	2	0
16	QTKD009	Marketing số	Digital marketing	2	2	0
17	QTKD010	Quản trị bán và quan hệ khách hàng	Sale and customer relationship management	3	3	0
18	QTKD011	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply chain management	3	3	0
19	QTKD012	Lãnh đạo trong tổ chức	Leadership in organization	2	2	0
20	TCKS001	Tài chính công ty	Advanced Corporate Finance	3	3	0
21	TCKS002	Quản trị hiệu quả	Performance Management	3	3	0
22	TCKS005	Phân tích kinh doanh nâng cao	Advanced business analysis	3	3	0
23	TCKS009	Quản lý danh mục đầu tư	Portfolio Management	2	2	0
3. Chuyên đề				3		
24	QTKD013	Chuyên đề về công tác quản trị doanh nghiệp	Workshop in business management	3	0	3

4. Các học phần thực tập, đề án tốt nghiệp						
25	QTKD014	Thực tập ngoài cơ sở		9	0	9
26	QTKD015	Đề án tốt nghiệp		9	0	9
Tổng tín chỉ toàn khoá học				60		

8.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	
				CQ	VHVL
I. Phần kiến thức chung			3		
1	THSTH001	Triết học	3	1	1
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			36		
1. Các học phần bắt buộc			18		
a. Kiến thức cơ sở ngành			5		
2	KTQL001	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	1	1
3	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	3	1	1
b. Kiến thức chuyên ngành			13		
4	QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	3	1	2
5	QTKD002	Quản trị Marketing nâng cao	3	1	1
6	QTKD003	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	1	1
7	QTKD004	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	2	3
8	QTKD005	Quản trị chiến lược nâng cao	2	2	3
2. Các học phần tự chọn			18		
a. Tự chọn chung			2		
9	THSTA002	Tiếng Anh	3		
10	KTQL003	Hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức	2	2	2

b. Tự chọn cơ sở ngành			2		
11	QL001	Kinh tế học nâng cao	2		
12	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3		
13	QTKD006	Quản trị dự án nâng cao	2	2	2
c. Tự chọn ngành, chuyên ngành			14		
14	TCKS003	Quản trị rủi ro và tuân thủ	3	2	3
15	QTKD008	Quản trị chất lượng tổng thể	2		
16	QTKD009	Marketing số	2		
17	QTKD010	Quản trị bán và quan hệ khách hàng	3		
18	QTKD011	Quản trị chuỗi cung ứng	3	2	2
19	QTKD012	Lãnh đạo trong tổ chức	2	2	2
20	TCKS001	Tài chính công ty	3	1	1
21	TCKS002	Quản trị hiệu quả	3	2	2
22	TCKS005	Phân tích kinh doanh nâng cao	3		
23	TCKS009	Quản lý danh mục đầu tư	2		
3. Chuyên đề			3		
24	QTKD013	Chuyên đề thực tế về công tác quản trị doanh nghiệp	3	3	3
4. Các học phần thực tập, đề án tốt nghiệp					
25	QTKD014	Thực tập ngoài cơ sở	9	3	4
26	QTKD015	Đề án tốt nghiệp	9	3	4
Tổng tín chỉ toàn khoá học			60		

8.4. Ma trận đóng góp của khối kiến thức vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8

Môn chung	x						x	
Cơ sở ngành	x	x		x	x		x	
Ngành Chuyên ngành	x	x	x	x	x	x	x	x

8.5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Bảng tổng gộp của học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra									
Mã MH	Môn học	Chuẩn đầu ra							
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Môn chung									
KHCT001	Triết học	2						1	
Cơ sở ngành									
KTQL001	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1	2	2		1	1
KTQL002	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	3	1		2				
Cơ sở ngành tự chọn									
NNTA001	Tiếng Anh					2	3		
KTQL003	Hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức	3	1	1	2	1		1	1
Cơ sở ngành tự chọn									
QL001	Kinh tế học nâng cao	2	1		1				
QL002	Kinh tế lượng nâng cao	2	1		1				
QTKD006	Quản trị dự án nâng cao	3	3	3	3	3		3	3
Chuyên ngành									
QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	3	3	3	3	3		2	2
QTKD002	Quản trị Marketing nâng cao	3	3	2	2	3	1	3	3

QTKD003	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3	4	2	2	3		3	3
QTKD004	Quản trị đổi mới sáng tạo	2	3	3	3	3		3	3
QTKD005	Quản trị chiến lược nâng cao	2	3	3	3	3	1	3	3
<i>Chuyên ngành tự chọn</i>									
TCKS003	Quản trị rủi ro và tuân thủ	2	3	3	3	1		3	3
QTKD008	Quản trị chất lượng tổng thể	3	2	2	2	1		2	2
QTKD009	Marketing số	3	2	2	2	2	2	2	2
QTKD010	Quản trị bán và quan hệ khách hàng	2	3	2	2	3	1	3	3
QTKD011	Quản trị chuỗi cung ứng	2	3	3	3	2	1	2	2
QTKD012	Lãnh đạo trong tổ chức	2	2	3	3	3		3	3
TCKS001	Tài chính công ty	2	2	2	2	2		2	2
TCKS002	Quản trị hiệu quả	2	3	3	3	2		2	2
TCKS005	Phân tích kinh doanh nâng cao	2	3	3	3	2		2	2

TCKS009	Quản lý danh mục đầu tư	2	2	3	3	2		2	2
<i>Chuyên đề</i>									
QTKD013	Chuyên đề về công tác quản trị doanh nghiệp	2	3	3	3	2	1	3	3
<i>Thực tập và Đề án TN</i>									
QTKD014	Thực tập ngoài cơ sở	3	3	3	3	3	1	3	3
QTKD015	Đề án tốt nghiệp	3	3	3	3	3	1	3	3

9. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình: Giảng viên trình bày, diễn giải và cung cấp kiến thức giúp học viên đạt các chuẩn về kiến thức các học phần trong chương trình đào tạo.
- Tổ chức thảo luận: Giảng viên cùng học viên tham gia thảo luận, giúp học viên lĩnh hội và rõ hơn về các nội dung trong các học phần.
- Nghiên cứu tình huống: Giảng viên giúp học viên phân tích tốt tình huống liên quan đến học phần, từ đó tăng kỹ năng phân tích vấn đề cũng như tư duy phản biện của học viên.
- Tham luận và trao đổi với chuyên gia: Học viên được trao đổi với các chuyên gia diễn giả (không phải là giảng viên) trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
- Đi thực tế: Giảng viên hướng dẫn học viên thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá tại đơn vị thực tế.

9.2. Phương pháp học tập

- Học viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích để giúp học viên lĩnh hội được kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu, có thái độ tích cực để đạt chuẩn đầu ra các học phần và chương trình đào tạo.
- Đi thực tế: Học viên thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá tại đơn vị thực tế trên cơ sở liên hệ với các kiến thức đã học.

- Dự án nghiên cứu: Học viên lựa chọn một chủ đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; lập kế hoạch và thực hiện chủ đề độc lập đó dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Qua phương pháp học tập này, học viên sẽ có nâng cao khả năng tự nghiên cứu và ứng dụng kiến thức học tập và giải quyết vấn đề phát sinh theo chủ đề lựa chọn.

9.3. Cách thức đánh giá

- Đánh giá tính chuyên cần trong học tập của học viên.
- Đánh giá thông qua hệ thống bài tập, bài kiểm tra online hoặc offline dưới hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận.
- Thuyết trình và viết bài thu hoạch: Học viên trình bày được nội dung đã được thuyết giảng viết bài thu hoạch của mình trong thực hiện chuyên đề, thực tế.
- Thi viết tự luận với các học phần: Học viên trả lời được các nội dung chính trong học phần đào tạo.
- Báo cáo đề án trước hội đồng giá: Học viên thuyết trình và trả lời các câu hỏi tại Hội đồng đánh giá.
- Các học phần thạc sĩ (lý thuyết, thực tập) và đề án tốt nghiệp được đánh giá theo thang điểm 10 và được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định tại quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, CSGD, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng cao nhất	Nhiệm vụ	Giảng dạy HP
1	Lê Anh Tuấn, 12/10/1973	Phó giáo sư, 2013	Tiến sĩ, Hà Lan, 2005	Kinh tế	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT	Quản trị Cuối cùng ứng, Quản trị đổi mới sáng tạo
2	Nguyễn Ngọc Thía, 01/9/1985		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh tế	Chủ trì giảng dạy CTĐT	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý

3	Nguyễn Thị Vân Anh, 18/01/1981		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị nhân lực	Chủ trì giảng dạy CTĐT	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao, Lãnh đạo trong tổ chức
4	Phan Duy Hùng, 1/5/1989		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Chủ trì giảng dạy CTĐT	Quản trị Marketing nâng cao, Marketing số
5	Vũ Đình Dũng, 9/9/1985		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản trị kinh doanh	Thực hiện CTĐT	Quản trị dự án nâng cao, Lãnh đạo trong tổ chức
6	Trương Thị Thu Hường, 18/10/1979		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Thực hiện CTĐT	Quản trị đổi mới sáng tạo, Quản trị Chiến lược nâng cao
7	Dương Văn Hùng, 28/9/1988		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Thực hiện CTĐT	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao, Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý
8	Trần Thanh Tuấn, 20/10/1983		Tiến sĩ, Nga, 2013	Kinh tế	Thực hiện CTĐT	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao
9	Nguyễn Thị Kim Thanh, 26/2/1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý Công nghiệp	Thực hiện CTĐT	Quản trị Marketing nâng cao, Quản trị bán và quan hệ khách hàng
10	Nguyễn Quỳnh Anh, 23/10/1990		Tiến sĩ, Đức, 2021	Kinh tế/TC-NH	Thực hiện CTĐT	Phân tích kinh doanh nâng cao,
11	Nguyễn Tố Tâm, 08/12/1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế/ Kế toán - Kiểm toán	Thực hiện CTĐT	Quản trị rủi ro và tuân thủ trong tổ chức, Kiểm soát nội bộ trong tổ chức
12	Nguyễn Bạch Nguyệt, 24/7/1956	Phó giáo sư, 2004	Tiến sĩ, Bulgaria, 1995	Kinh tế học	Phát triển CTĐT	Quản trị dự án nâng cao
13	Vũ Quốc Bình, 19/10/1955		Tiến sĩ, Việt Nam, 1995	Kinh tế học	Phát triển CTĐT	Marketing số
14	Nguyễn Văn Nam, 22/2/1939		Tiến sĩ, Việt Nam, 1985	Kinh tế	Phát triển CTĐT	Kinh tế học nâng cao

15	Phạm Đình Thành, 12/7/1955		Tiến sĩ, Đức, 1996	Kinh tế	Phát triển CTĐT	Kinh tế lượng nâng cao
16	Lê Hồng Thái, 12/4/1953	Phó giáo sư, 2007	Tiến sĩ, Việt Nam, 2000	Kinh tế	Phát triển CTĐT	Quản trị bán và quan hệ khách hàng
17	Nguyễn Văn Nghiễn, 3/1/1957		Tiến sĩ, Việt Nam, 1999	Kinh tế	Phát triển CTĐT	Quản trị Chiến lược nâng cao
18	Trịnh Văn Toàn, 1977		Tiến sĩ, Việt Nam, 201...	Triết học	Thực hiện CTĐT	Triết học
19	Hoàng Thị Kim Oanh, 1976		Thạc sĩ, Việt Nam	Tiếng Anh	Thực hiện CTĐT	Tiếng Anh
20	Dương Trung Kiên, 1/1/1981		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế	Thực hiện CTĐT	Kinh tế học nâng cao, Kinh tế học nâng cao

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Trường Đại học Điện lực có đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh:

11.1 Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo

- Phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục (PMT-EMS education) dùng chung trong toàn trường hỗ trợ công tác đào tạo (thời khóa biểu, đăng ký học phần, điểm, quản lý chương trình đào tạo).
- Cổng thông tin tuyển sinh tuyensinh.epu.edu.vn phục vụ cập nhật thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh online trích xuất ra thông tin đăng ký tuyển sinh của thí sinh.
- Cổng thông tin điện tử epu.edu.vn đưa thông tin tuyển sinh, thông báo để phục vụ công tác tuyển sinh của nhà trường.

11.2 Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

11.2.1 Lớp học lý thuyết và các phương tiện nghe, nhìn

Trường có các phòng học với đầy đủ tiện nghi từ bàn ghế, máy chiếu, micro, phon, màn.

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy
-----	----------------	----------	-----------------------------	--

				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện	131	17,602	Máy chiếu	61	Dùng chung cho tất cả các học phần của tất cả các Khoa trong trường
				Màn hình TV + màn led	41	
				Thiết bị âm thanh (máy trợ giảng, amply + micro + loa)	57	
				Camera giám sát	75	
				Điều hòa không khí	269	
2	Phòng học máy tính	6	939	Máy chiếu	6	
				Máy chủ	10	
				Máy tính để bàn + xách tay	306	

11.2.2. Hệ thống thư viện và phòng đọc

Các nghiên cứu sinh được sử dụng thư viện điện tử của Trường. Thư viện có các máy tính được nối mạng phục vụ cho việc tra cứu thư mục của thư viện cũng như tìm các tài liệu phục vụ học tập từ trên mạng internet một cách nhanh chóng và thuận tiện. Thư viện của trường có hàng ngàn đầu sách tiếng Việt và tiếng nước ngoài, phục vụ tốt cho việc tham khảo của các NCS.

- Diện tích thư viện: CS1: 874,8 m ² ; CS2: 210m ²	- Diện tích phòng đọc: 700 m ²
- Số chỗ ngồi: 300	- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: LIBOL	
- Thư viện điện tử, thư viện số liên kết: http://epu.tailieu.vn/ ; http://db.vista.gov.vn/ .	- Số lượng sách: 42.848 cuốn

11.2.3 Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

TT				Giáo trình chính
----	--	--	--	------------------

	Tên học phần/môn học	Mã học phần	HP tự chọn/bắt buộc	Mã sách	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm XB	Số lượng bản
1	Triết học	KHCT001	BB	KMN2300431	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Việt Nam	2023	1
2	Kinh tế học nâng cao	QL001	TC	KMV2300545	Giáo trình Kinh tế học, tập 1	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2018	1
3	Tiếng Anh	NNTA001	TC	NN2201835	Empower (second edition), B1- Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press, England	2022	1
4	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	KTQL002	BB	KMV1800110,2 37,900387	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	Lê Anh Tuấn và Cộng sự	NXB Giáo dục Việt Nam, Việt Nam	2012	5
5	Lãnh đạo trong tổ chức	QTKD012	TC	KMV2300563	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	Nguyễn Văn Hùng và cộng sự	Nhà xuất bản Tài chính, Việt Nam	2022	1
6	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	QTKD001	BB	KMN1800086	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực	Nhà xuất bản đại học Kinh Tế Quốc Dân, Việt Nam	2017	5
7	Marketing số	QTKD008	TC	KMN2300447	Tiếp thị 4.0: Dịch chuyển từ Truyền thông sang Công nghệ số	Philip Kotler, Nhóm dịch: Hoàng Thùy Minh Anh - Nguyễn Quỳnh Như	Nhà xuất bản trẻ, Việt Nam	2022	1
8	Phân tích kinh doanh nâng cao	TCKS005	TC	NN1901790	ACCA Approved Study Text Study Text for exams from 1 September 2015 to 31 August 2016 Paper P3 Business Analysis ACCA APPROVED Content Provider	BBP Learning Media	ACCA, England	2015	1
9	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	QTKD003	BB	KMV2300562	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2022	1
10	Quản trị chiến lược nâng cao	QTKD005	BB	KMV2300559	Giáo trình quản trị chiến lược	Hà Sơn Tùng, Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2022	1

11	Hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức	KTQL003	BB	KMV2300527	Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý	Phạm Thị Thanh Hồng	Nhà xuất bản Bách Khoa, Việt Nam	2012	1
12	Quản trị chất lượng tổng thể	QTKD008	TC	KMV2300561	Quản trị chất lượng	Đỗ Thị Đông & Đặng Ngọc Sự	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2022	1
13	Tài chính công ty	TCKS001	TC	KML2300309	Tài chính doanh nghiệp	Stephen A. Ross	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2020	1
14	Quản trị dự án nâng cao	QTKD006	TC	KMV1800123	Quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2014	1
15	Kinh tế lượng nâng cao	QL002	TC	KMN1900292	Kinh tế lượng.	Trương Huy Hoàng	NXB Khoa học và kỹ thuật, Việt Nam	2015	1
16	Quản trị bán và quan hệ khách hàng	QTKD010	TC	KMV1800120	Quản trị bán hàng Sale Manegement	Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi	NXB Phương Đông, Việt Nam	2012	1
17	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	KTQL001	BB	KMD2300174	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Mark Sauders, Dịch giả: Nguyễn Văn Dung	Nhà XB tài chính, Việt Nam	2010	1
18	Quản trị chuỗi cung ứng	QTKD011	TC	KMV1800375-76	Quản trị chuỗi cung ứng	Nguyễn Thành Hiếu	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2015	2
19	Quản trị hiệu quả	TCKS002	TC	KMNN1900089	CMAexcel Learning System, Exam review, Part 1- Financial Reporting, Planning, Performance and Control	IMA (Institute of Management Accountants)	Wiley	2019	1
20	Quản trị rủi ro và tuân thủ	TCKS003	TC	Vv1107032	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động - Xã hội	2009	1
21	Quản lý danh mục đầu tư	TCKS009	TC	Vv1307997-8016	Giáo trình đầu tư tài chính	Võ Thị Thúy An, Lê Phương Dung, Đặng hữu Mẫn	NXB Tài chính	2012	20
22	Quản trị Marketing nâng cao	QTKD002	BB	KMV1800363-64	Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2014	2
23	Quản trị đổi mới sáng tạo	QTKD004	BB	KMN1300076-80	Quản Trị Quá Trình Đổi Mới và Sáng Tạo	Allan Afuah	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2012	5

12. Mô tả tóm tắt học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả học phần
1	THSTH001	Triết học	3	Học phần gồm 4 chương: Trình bày khái luận Triết học, Triết học Mác - Lênin, Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học, Vai trò của khoa học và công nghệ trong sự phát triển xã hội. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy lôgic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
2	KTQL001	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	Học phần giới thiệu về cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu; cung cấp cho người học cách xác định vấn đề nghiên cứu và mô tả được vấn đề đó. Học phần giúp người học hiểu và phân loại được các loại tài liệu khác nhau; nắm được các vấn đề cơ bản về chọn mẫu, cách xử lý dữ liệu. Từ đó người học có thể thực hiện một nghiên cứu trong kinh doanh, xác định được tính cấp thiết, câu hỏi nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, ... Một tổng quan nghiên cứu hoàn chỉnh sẽ được hoàn thiện bởi người học trong nội dung đánh giá cuối kỳ.
3	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	3	Cung cấp cho học viên một số kỹ thuật nâng cao giúp mô hình hóa bài toán phức tạp, nắm các phương pháp giải một số bài toán quy hoạch số nguyên, quy hoạch động, và lý thuyết hàng đợi. Trang bị cho học viên kỹ năng xử lý các tình huống phức tạp trong thực tế quản lý kinh tế, giúp đưa ra quyết định tối ưu nhất cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp kiến thức về giải quyết vấn đề và ra quyết định thông qua quy trình và các công cụ hỗ trợ.
4	QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	3	Học phần Quản lý tác nghiệp cung cấp kiến thức về cốt lõi hệ thống vận hành sản xuất của doanh nghiệp, kiến thức về quản lý vận hành và kỹ năng cần thiết; giải quyết vấn đề sản xuất và ra quyết định vận hành hệ thống sản xuất. Học phần cũng trang bị cho học viên kiến thức các phương pháp quản lý sản xuất tiên tiến và kiến thức về các hệ thống sản xuất trong thực tiễn.
5	QTKD002	Quản trị Marketing nâng cao	3	Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về hoạt động marketing trong doanh nghiệp. Học viên xác định chính xác các công việc marketing cần thực hiện trong doanh nghiệp, thiết kế, tổ chức, đánh giá và quản lý hoạt động marketing trong doanh nghiệp. Từ đó phát huy vai trò của nhà quản lý trong việc định hướng thực hiện tối ưu hóa hiệu quả hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

6	QTKD003	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	Quản lý nhân lực là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho học viên thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản lý nhân lực trong tổ chức. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về bản chất, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực như hoạch định nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, tuyển dụng và lựa chọn nhân lực quan hệ lao động và cách quản lý xung đột, bố trí sử dụng, đãi ngộ và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức... Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế giúp người học có thể lên kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng quy trình tuyển dụng, lựa chọn nhân lực, các chính sách đãi ngộ, duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức, chuyển đổi số trong các hoạt động quản trị nguồn nhân lực nâng cao.
7	QTKD004	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	Trang bị cho học viên các kiến thức về đổi mới sáng tạo và quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp. Học phần cung cấp các nền tảng về đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung vào việc tìm kiếm nguồn chuyển giao các kết quả đổi mới. Học phần cũng xem xét các vấn đề liên quan tới nhận diện tiềm năng đổi mới theo xu hướng công nghệ, thị trường và chiến lược đổi mới. Vấn đề duy trì lợi nhuận trong quá trình đổi mới cũng được thảo luận. Bên cạnh việc hình thành và khai thác các nội dung/kết quả đổi mới thì việc triển khai các hoạt động đổi mới thành công trong môi trường công tác toàn cầu cũng đóng vai trò hết sức quan trọng và được trao đổi trong học phần này. Vai trò của chính phủ cũng như ảnh hưởng của một số xu hướng công nghệ mới cũng được trao đổi và thảo luận cụ thể.
8	QTKD005	Quản trị chiến lược nâng cao	2	Trang bị cho học viên những kiến thức cập nhật về quản trị chiến lược, tập trung vào một số chủ đề quan trọng về quản trị chiến lược có tầm quan trọng lớn đối với các nhà quản trị. Học phần trang bị các kiến thức về xây dựng mục tiêu và các định hướng của tổ chức, phân tích thông tin để hình thành các chiến lược của tổ chức. Học phần cũng thảo luận các vấn đề liên quan tới hoạt động triển khai thực thi chiến lược trong đó có các hoạt động cụ thể như xây dựng các chiến lược chức năng và đo lường giám sát thực hiện chiến lược của tổ chức. Việc đo lường, giám sát có thể dẫn tới việc phải

				điều chỉnh các chiến lược hiện hành của tổ chức để thích ứng với môi trường kinh doanh.
9	KTQL003	Hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức	3	Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về khái niệm, thành phần, phân loại, vai trò của hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức. Sau khi học xong học phần này, học viên sẽ hiểu rõ về quy trình phân tích, thiết kế, cài đặt, vận hành hệ thống thông tin và các hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo và ra quyết định. Từ đó, giúp học viên có thể vận dụng linh hoạt, thiết thực và hiệu quả trong quá trình chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.
10	THSTA002	Tiếng Anh	3	Học phần Tiếng Anh là học phần thuộc khối học phần kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Điện lực. Kết thúc học phần học viên hướng tới đạt trình độ tiếng Anh B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu là năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc cho người Việt nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề thông thường liên quan đến cuộc sống, công việc chuyên môn, học tập hàng ngày, công nghệ giúp người học có thể xử lý tốt hầu hết các tình huống phát sinh khi đến các khu vực nói tiếng Anh; cung cấp các kiến thức nền tảng và các kỹ năng làm bài thi giúp người học hướng tới đạt năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt nam.
11	QL001	Kinh tế học nâng cao	2	Môn học giới thiệu những kiến thức chuyên sâu về thị trường, cấu trúc thị trường, hành vi của người tham gia thị trường cũng như các vấn đề của hàng hóa công cộng và phúc lợi xã hội.

12	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3	Học phần cung cấp các kiến thức về những nguyên tắc cơ bản để xây dựng các mô hình kinh tế lượng, các phương pháp ước lượng và kiểm định các mô hình, cách thức sử dụng các mô hình để phục vụ cho việc phân tích và dự báo. Học phần cũng giới thiệu về một số phần mềm kinh tế lượng thông dụng hiện nay.
13	QTKD006	Quản trị dự án nâng cao	3	Học phần "Quản lý dự án nâng cao" là một môn học được thiết kế để cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản lý dự án. Học phần tập trung vào các khía cạnh phức tạp và thách thức mà các nhà quản lý dự án phải đối mặt trong quá trình triển khai dự án. Trong học phần này, học viên sẽ tiếp tục khám phá các khía cạnh quan trọng của quản lý dự án và được trang bị những công cụ và kỹ năng cần thiết để thành công trong việc lãnh đạo và điều hành các dự án phức tạp. Ngoài ra, học phần cũng sẽ tập trung vào các công cụ và kỹ thuật quản lý dự án như phân tích rủi ro, quản lý chất lượng, quản lý nguồn lực và quản lý tiến độ. Học viên cũng sẽ được giới thiệu với các phương pháp và quy trình sử dụng trong quản lý dự án.
14	TCKS003	Quản trị rủi ro và tuân thủ trong tổ chức	3	Học phần Quản trị rủi ro và tuân thủ là học phần chuyên ngành của CTĐT thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng (chuyên ngành Kế toán và kiểm soát) và ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức về rủi ro, nhận thức rủi ro một cách hệ thống, cách thức quản trị rủi ro cũng như mối liên hệ giữa quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong tổ chức. Các nội dung về tuân thủ, quy trình tuân thủ, cấu trúc quản trị, rủi ro và tuân thủ (GRC). Học phần cung cấp có kỹ năng nhận diện hệ thống rủi ro trong các chu trình kinh doanh chủ yếu và đưa ra các xử lý chuyên sâu, giảm thiểu rủi ro trong doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có được tính độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm và tinh thần tích cực, định hướng quản trị trong tổ chức.
15	QTKD008	Quản trị chất lượng tổng thể	2	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về chất lượng sản phẩm, dịch vụ và vai trò của chất lượng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các phương thức quản lý chất lượng hiện nay. Giúp học viên nắm được và vận dụng thành thạo các công cụ quản lý chất lượng, các phương pháp cải tiến và nâng cao chất lượng. Bên cạnh đó, học viên cần tìm hiểu và có thể vận dụng một số phương pháp để hình thành, đảm bảo và duy trì chất lượng tổng thể trong tổ chức.

16	QTKD009	Marketing số	2	Học phần Marketing số giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông trên môi trường Internet và các công cụ digital như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing.... Qua đó, người học có khả năng phân tích được các công cụ Digital marketing và vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing tổng thể. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động digital Marketing.
17	QTKD010	Quản trị bán và quan hệ khách hàng	3	Quản trị bán và quan hệ khách hàng là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho học viên các khối ngành Quản trị kinh doanh. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho học viên các kiến thức nền tảng về quản trị bán và quan hệ khách hàng trong tổ chức. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, các khái niệm, các nguyên tắc, phương pháp tổ chức... trong hoạt động bán hàng, quản trị kênh bán hàng và quan hệ khách hàng. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng.
18	QTKD011	Quản trị chuỗi cung ứng	3	Trang bị cho học viên các kiến thức về chuỗi cung ứng các doanh nghiệp, bao gồm các vấn đề quan trọng như cấu trúc chuỗi cung ứng, các hoạt động chính của chuỗi cung ứng, vấn đề phối hợp các thành viên và các hoạt động trong chuỗi cung ứng. Quản lý chuỗi cung ứng cung cấp cho học viên các kiến thức về tối ưu hóa các hoạt động trong chuỗi cung ứng như logistics, lập kế hoạch sản xuất, phân phối. Bên cạnh đó học phần tập trung vào phân tích chuỗi cung ứng như một tổng thể và đưa ra một số cách tiếp cận tối ưu chuỗi cung ứng từ góc độ tối ưu hóa toàn cục chứ không chỉ tập trung vào các tác nhân riêng lẻ trong chuỗi cung ứng.

19	QTKD012	Lãnh đạo trong tổ chức	2	Học phần trang bị kiến thức về vai trò và các đặc điểm của lãnh đạo cũng như các vấn đề liên quan tới kỹ năng, hành vi của lãnh đạo và các lý thuyết quan trọng về lãnh đạo. Học phần cũng thảo luận một số vấn đề như động lực, ảnh hưởng, hiệu quả của lãnh đạo. Các vấn đề về lãnh đạo nhóm và phát triển kỹ năng lãnh đạo cũng là một phần quan trọng của học phần. Vấn đề lãnh đạo trong các tình huống và sự thích ứng của lãnh đạo với các thay đổi của môi trường cũng đóng góp một phần quan trọng trong học phần này.
20	TCKS001	Tài chính công ty	3	Học phần Tài chính công ty cung cấp cho học viên sự hiểu biết toàn diện về các quyết định và chiến lược tài chính liên quan đến việc quản lý tài chính của các công ty. Học viên sẽ được tìm hiểu về các nguyên lý, học thuyết và thực tiễn cơ bản về tài chính công ty. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để đưa ra các quyết định tài chính hợp lý trong môi trường công ty. Học viên cần có kiến thức cơ bản về tài chính và kế toán, tính toán tài chính cơ bản, phân tích báo cáo tài chính và hiểu khái niệm giá trị thời gian của tiền để học tốt môn học này.
21	TCKS002	Quản trị hiệu quả	3	Học phần Quản trị hiệu quả là học phần chuyên ngành bắt buộc đối với CTDT Thạc sĩ ngành TCNH và Quản trị kinh doanh, cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị hiệu quả, kiểm soát trong tổ chức như sử dụng các thông tin có tính định tính và định lượng cho việc đề ra kế hoạch, các quyết định, đánh giá hiệu quả và kiểm soát chi phí của doanh nghiệp. Học phần cung cấp cách thức sử dụng hệ thống kế hoạch đo lường và kiểm soát hiệu quả kinh doanh và đưa ra phương án kiểm soát. Các kỹ năng về lập ngân sách, tính toán và phân bổ chi phí cho việc ra quyết định được trang bị trong học phần này. Từ các kiến thức, kỹ năng cung cấp, học phần giúp học viên có được tầm nhìn chiến lược và thái độ thận trọng trong công việc của một nhà quản lý.

22	TCKS005	Phân tích kinh doanh nâng cao	3	Học phần Phân tích kinh doanh nâng cao cung cấp hệ thống lý luận, phương pháp và kỹ thuật phân tích chuyên sâu theo các khía cạnh khác nhau trong môi trường kinh doanh hiện đại. Trong đó, những nội dung cốt lõi bao gồm: tổng quan về phân tích kinh doanh; phân tích kinh doanh theo các khía cạnh về chiến lược, kế toán, tình hình tài chính; và các công cụ phân tích kinh doanh. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể hệ thống hóa lý luận về phân tích kinh doanh và vận dụng hệ thống phương pháp, kỹ thuật và các công cụ tiên tiến để phân tích kinh doanh tại các doanh nghiệp ở đa lĩnh vực, theo nhiều góc độ nhằm thấu hiểu sâu sắc những ưu điểm, hạn chế và những vấn đề trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó, học viên có thể đề xuất hoặc chủ động thực hiện các giải pháp khả thi, kịp thời theo tình huống cụ thể để doanh nghiệp đạt được mục tiêu, chất lượng và hiệu quả.
23	TCKS009	Quản lý danh mục đầu tư	3	Học phần Quản lý danh mục đầu tư cung cấp kiến thức toàn diện về nguyên tắc, kỹ thuật và chiến lược liên quan đến việc quản lý danh mục đầu tư. Trong suốt khóa học, học viên sẽ tìm hiểu các chủ đề kiến thức như phân bổ tài sản, đánh giá rủi ro, lựa chọn chứng khoán, tối ưu hoá danh mục đầu tư và đánh giá hiệu quả đầu tư. Học phần nhấn mạnh vào việc áp dụng lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại, tích hợp các phương pháp định lượng và phân tích đầu tư để đưa ra quyết định đầu tư chính xác. Học viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để xây dựng danh mục đầu tư và chấp nhận rủi ro cá nhân. Ngoài ra, học viên cũng sẽ tìm hiểu vai trò của các loại tài sản khác nhau như cổ phiếu, chứng khoán có thu nhập cố định và các khoản đầu tư thay thế khác trong xây dựng danh mục đầu tư.
24	QTKD013	Chuyên đề về công tác quản trị doanh nghiệp	3	Học phần nhằm tạo cơ hội cho học viên làm quen với các hệ thống, lĩnh vực hoạt động trong doanh nghiệp. Thông qua sự trải nghiệm các vị trí nghề nghiệp và môi trường làm việc thực tiễn học viên hiểu được các yêu cầu về sự chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm trong công việc, học hỏi những kỹ năng cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

25	QTKD014	Thực tập	9	Học phần Thực tập là học phần bắt buộc đối với CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, học phần trang bị cho học viên những kỹ năng tìm kiếm và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị tại đơn vị thực tế. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, học viên phải chọn một đơn vị cụ thể (Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Quản trị nói chung) để thực hiện thực tập. Học viên biết thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá thực trạng trong quá trình thực tập tại đơn vị. Giảng viên có trách nhiệm hỗ trợ về mặt chuyên môn và giám sát quá trình thực tập và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.
26	QTKD015	Đề án tốt nghiệp	9	Đề án tốt nghiệp là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho học viên các khối ngành Quản trị kinh doanh và kinh tế quản lý nói chung. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuẩn bị tốt nghiệp ra trường của học viên, trang bị cho học viên tìm hiểu và áp dụng kiến thức quản trị đã học vào thực tế tại doanh nghiệp. Học phần giúp học viên hệ thống hóa lý luận chung về các nội dung thuộc các lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp, phản ánh thực trạng quản trị kinh doanh đơn vị thực tập từ đó đưa ra các giải pháp kiến nghị phù hợp có tính chất thực tiễn, hoàn thành đề án tốt nghiệp làm cơ sở đánh giá kết quả học tập cuối cùng trước khi tốt nghiệp.

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ gồm 60 tín chỉ với thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 1.5 năm đối với hệ chính quy và 2 năm đối với hệ vừa học vừa làm. Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực tài chính và kiểm soát.

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Điện lực. Mỗi năm học có hai học kỳ chính (bắt đầu từ giữa tháng 8 đến cuối tháng 6) và một học kỳ hè (bắt đầu từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Theo lộ trình đào tạo, học viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức chung

và kiến thức cơ sở ngành trong 1-2 kì học đầu tiên; các học phần thuộc khối kiến ngành và chuyên ngành sẽ được học trong học kỳ 2 và 3. Học kỳ 3/4 thông thường sẽ dành cho học phần tốt nghiệp (thực tập và đề án tốt nghiệp). Đối với các học phần tự chọn, Khoa hướng dẫn học viên chọn các học phần phù hợp nhất với các mục tiêu học tập và nghề nghiệp của học viên cũng như các điều kiện thực tế và cập nhật những xu hướng mới của nền kinh tế.

Tùy thuộc vào loại hình đào tạo là chính quy hay vừa học vừa làm, thời gian đào tạo, việc sắp xếp thời khóa biểu và triển khai giảng dạy tuân thủ theo đúng quy định hiện hành. Đối với cả hai hình thức đào tạo, chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống đơn vị tín chỉ cho phép học viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân. Việc giảng dạy được thiết kế và triển khai căn cứ theo mục tiêu của học phần, liên tục được cải thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp từ người học, các giảng viên trong Khoa cũng như các đối tượng hữu quan khác.

Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT. Các học phần được tổ chức giảng dạy, đánh giá theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp theo quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

14. Đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá định kỳ nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Mỗi CDR phải được đánh giá tối thiểu 02 (hai) lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT (tối đa 5 năm). Kết quả rà soát, đánh giá được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Khoa chủ trì chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và của Trường ĐHĐL;

Hiệu trưởng quyết định công bố CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi đánh giá và cập nhật trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học và Đào tạo.

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình tuân thủ theo Chính sách chất lượng áp dụng tại Trường Đại học Điện lực (ban hành kèm theo Quyết định số 1152/QĐ-ĐHĐL ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực).

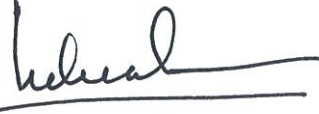
II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành QTKD được ban hành kèm theo)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

PHỤ TRÁCH KHOA KT&QL


PGS.TS. Đinh Văn Châu


PGS.TS. Lê Anh Tuấn

